

Vietnam Daily Review

Đập dịu quanh ngưỡng 1525 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/4/2022		•	
Tuần 4/4-8/4/2022		•	
Tháng 4/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bật tăng ngay từ lúc mới mở cửa, VN-Index đập dịu quanh ngưỡng 1525 điểm cả ngày trước khi đóng cửa tăng 8 điểm so với phiên liền trước. Nhóm cổ phiếu Chứng khoán, Ngân hàng, Thép, Bất động sản, Dầu khí, Dệt may,... có phiên giao dịch tích cực, củng cố đà tăng của cổ phiếu trước sự sụt giảm của một số mã trong nhóm VN30. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, VN-Index có thể sẽ quay lại test ngưỡng hỗ trợ mới quanh vùng 1515. Nếu thành công, thị trường có thể tiếp tục tiến lên chinh phục ngưỡng 1535, còn nếu thất bại, chỉ số khả năng cao sẽ trở về ngưỡng ngàn năm không five.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể mở vị thế bán ở các hợp đồng tương lai ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 04/04/2022, các chứng quyền tăng nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): GVR_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.26** điểm, đóng cửa **1524.70** điểm. HNX-Index **+4.59** điểm, đóng cửa **458.69** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+2.07)**, **NVL (+1.98)**, **GAS (+1.33)**, **MSN (+1.06)**, **VIC (+0.58)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.57)**, **DPM (-0.44)**, **DXG (-0.42)**, **FPT (-0.38)**, **DIG (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25.321** tỷ đồng, tăng **+2.22%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26.751 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 8.13 điểm. Thị trường có **254** mã tăng, 61 mã tham chiếu và **187** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-4.14** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-73.77 tỷ)**, **NLG (-65.99 tỷ)**, **E1VFN30 (-47.35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.45** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1524.70**
Giá trị: 25321.3 tỷ **8.26 (0.54%)**
Khối ngoại (ròng): -4.14 tỷ

HNX-INDEX **458.69**
Giá trị: 2675.36 tỷ **4.59 (1.01%)**
Khối ngoại (ròng): -1.45 tỷ

UPCOM-INDEX **117.67**
Giá trị: 1667.69 tỷ **0.48 (0.41%)**
Khối ngoại(ròng): 32.7 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	100.0	0.75%
Giá vàng	1,931	0.26%
Tỷ giá USD/VND	22,845	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,212	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	18,627	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	6.74%
LS TPCP 5 năm	1.9%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	121.3	HPG	-73.8
FUEVFN30	80.0	NLG	-66.0
DGC	53.3	E1VFN30	-47.4
SSI	46.8	NVL	-33.0
GMD	38.9	FUESSVFL	-25.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

GVR_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Tích cực
 - Chỉ báo xu hướng MACD: xu hướng tăng, MACD cắt lên trên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: GVR có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nền Marubozu hoàn hảo sau một thời gian giao dịch quanh vùng 34-35. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng khả quan. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20, MA50 và MA100. Đường MA20 đang ở trên MA50 tuy nhiên vẫn ở dưới MA100. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 36.5, chốt lãi tại ngưỡng 41.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 34.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

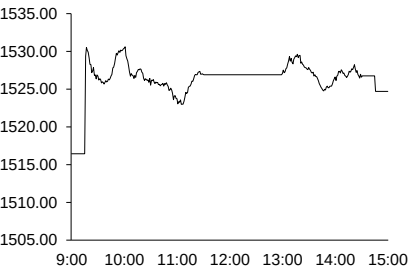
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	4.25%
Dầu khí	1.95%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.75%
Truyền thông	1.49%
Hóa chất	1.32%
Du lịch và Giải trí	0.93%
Thực phẩm và đồ uống	0.87%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.86%
Xây dựng và Vật liệu	0.71%
Bất động sản	0.61%
Y tế	0.47%
Bảo hiểm	0.30%
Tài nguyên Cơ bản	0.22%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.02%
Ngân hàng	-0.26%
Bán lẻ	-0.35%
Ô tô và phụ tùng	-0.39%
Công nghệ Thông tin	-1.33%
Viễn thông	-5.60%

Hình 1

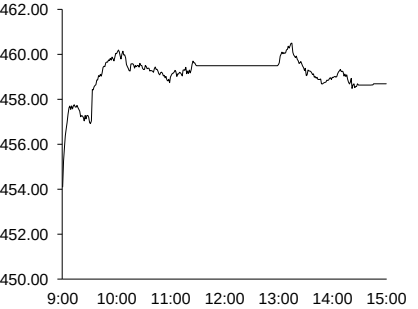
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

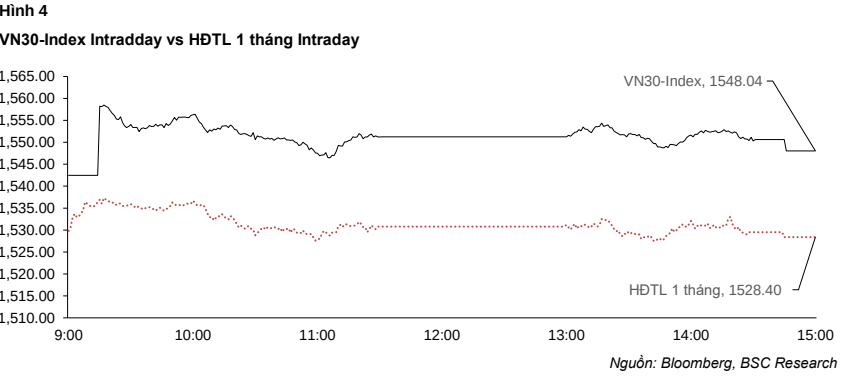
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
1/4/2022	SIP	140	163	134	141.2	3	0.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/3/22	VNM	80.9	95	75	80.5	4	-0.49%	Có thể tiếp tục mua
29/3/22	MSH	86.2	101	80.2	89.1	6	3.36%	Có thể tiếp tục mua
28/3/22	GMD	56.3	63.2	53	58.9	7	4.62%	Có thể tiếp tục mua
24/3/22	BMP	61	68	58	64.6	11	5.90%	Có thể tiếp tục mua
23/3/22	DBC	77	85.8	73	74.6	12	-3.12%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
21/3/22	KDH	53.3	61.3	51.5	52.8	14	-0.94%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	27.9	20	-1.06%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	17.75	25	5.03%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	46.25	32	4.17%	Có thể tiếp tục mua
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	25.1	40	1.21%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	20.4	45	3.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
22/3/22	CII	34.15	43.5	30.8	SL	6	-9.81%
18/3/22	LIG	16	22	14.7	SL	12	-8.13%
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	TP	7	24.42%
16/3/22	VTP	70	77	66	TP	8	10.00%
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	TP	21	16.33%
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
28/2/22	HSG	38.35	46.9	36.25	SL	30	-5.48%
2/17/2022	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
2/16/2022	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	8	4	3.52%	-1.40%	1.88%	20
Cổ phiếu đã chốt	242	190	7.69%	-7.34%	4.89%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1528.40	0.22%	-19.64	-35.1%	102,494	4/21/2022	19
VN30F2205	1527.30	0.60%	-20.74	-4.2%	429	5/19/2022	47
VN30F2206	1527.00	0.59%	-21.04	-72.5%	36	6/16/2022	75
VN30F2209	1522.10	0.13%	-25.94	2.0%	102	9/15/2022	166

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 5.57 điểm lên 1548.04 điểm. Các cổ phiếu như NVL, MSN, SSI, VPB, VIC đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 áp sát ngưỡng kháng cự 1500 điểm, thị trường có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh nhẹ trong 1, 2 phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm trừ VN30F2209. Xét về vị thế mở, VN30F2206 giảm, HĐ còn lại đều tăng. Các nhà đầu tư có thể mở vị thế bán ở các hợp đồng tương lai ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2110	4/8/2022	4	9.98:1	2,898,400	37.05%	2,200	880	25.71%	940	0.94	157,488	142,000	150,000
CVPB2111	4/20/2022	16	4:1	483,600	30.42%	2,300	1,730	10.90%	1,271	1.36	39,800	34,000	39,000
CMSN2104	5/4/2022	30	9.98:1	647,600	37.05%	5,200	3,450	10.58%	3,372	1.02	147,790	0	150,000
CPNJ2110	5/24/2022	50	4.96:1	170,200	32.29%	2,000	1,850	8.82%	1,652	1.12	119,490	113,000	116,600
CMBB2201	9/20/2022	169	2:1	289,100	28.11%	2,700	3,770	2.72%	2,482	1.52	38,660	29,500	33,000
CVJC2103	4/27/2022	23	20:1	171,400	25.81%	1,500	830	2.47%	677	1.23	131,799	129,999	142,900
CSTB2202	9/20/2022	169	2:1	67,700	35.74%	2,700	3,400	2.10%	2,449	1.39	33,500	29,500	32,200
CMWG2114	4/20/2022	16	12:1	234,100	27.69%	2,600	2,200	0.46%	2,106	1.04	224,800	130,000	155,000
CMWG2202	8/1/2022	119	6:1	117,800	27.69%	4,000	5,190	0.39%	2,781	1.87	155,740	145,000	155,000
CFPT2202	6/24/2022	81	10:1	1,402,300	21.73%	1,700	2,610	0.38%	2,042	1.28	97,200	89,700	109,300
CMWG2111	4/8/2022	4	10:1	39,000	27.69%	1,900	2,620	0.00%	2,507	1.05	205,600	130,000	155,000
CFPT2109	4/8/2022	4	8:1	507,000	21.73%	1,900	1,780	-0.56%	1,644	1.08	97,680	96,000	109,300
CVRE2105	5/4/2022	30	5:1	487,000	35.11%	1,200	990	-1.00%	854	1.16	38,750	30,000	34,050
CTPB2101	4/6/2022	2	3.7:1	63,500	38.77%	2,500	1,960	-1.01%	2,156	0.91	45,136	33,333	41,250
CPNJ2201	9/20/2022	169	8:1	180,100	32.29%	2,300	3,710	-1.59%	3,125	1.19	97,900	95,500	116,600
CMWG2201	9/20/2022	169	10:1	322,800	27.69%	2,600	3,400	-2.58%	2,620	1.30	143,700	134,500	155,000
CSTB2112	5/24/2022	50	1:1	49,200	35.74%	3,800	3,560	-3.00%	2,418	1.47	31,470	31,000	32,200
CTCB2105	5/4/2022	30	5:1	530,500	25.20%	3,600	1,380	-4.17%	980	1.41	58,600	45,000	49,650
CKDH2107	4/27/2022	23	8:1	141,200	35.13%	1,300	1,210	-6.92%	1,134	1.07	44,928	43,888	52,800
CMBB2107	4/8/2022	4	2:1	769,500	28.11%	2,200	1,500	-11.24%	1,508	0.99	31,780	30,000	33,000
Tổng				6,673,600	30.33%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 04/04/2022, các chứng quyền tăng nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CMSN2110 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 297.14% và 25.71%. Giá trị giao dịch giảm -13.69%. CFPT2202 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.35% thị trường.
- CTPB2101, CMSN2110, CMBB2107, và CMSN2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2201, CFPT2202, CFPT2203, và CMBB2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CMSN2104, và CPNJ2201 là những chứng quyền

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	155.0	-0.6%	0.5	4,933	9.5	6,936	22.3	5.4	49.0%	27.3%	
PNJ	Bán lẻ	116.6	-0.5%	0.6	1,153	5.6	4,526	25.8	4.4	49.0%	18.3%	
BVH	Bảo hiểm	63.6	0.3%	1.4	2,053	6.6	2,554	24.9	2.2	26.4%	9.2%	
PVI	Bảo hiểm	56.8	1.6%	0.5	578	0.8	3,543	16.0	1.8	57.9%	10.9%	
VIC	Bất động sản	82.7	0.7%	0.7	13,714	9.8	(690)	N/A	N/A	3.1	12.6%	-2.8%
VRE	Bất động sản	34.1	0.0%	1.1	3,364	6.0	578	58.9	2.5	30.4%	4.4%	
VHM	Bất động sản	76.3	0.1%	1.0	14,445	10.4	9,004	8.5	2.7	23.8%	36.9%	
DXG	Bất động sản	43.6	-6.2%	1.3	1,152	44.2	1,942		3.0	29.8%	15.5%	
SSI	Chứng khoán	45.0	4.9%	1.5	1,942	28.7	2,768	16.3	3.1	37.5%	22.5%	
VCI	Chứng khoán	59.2	3.0%	1.0	857	11.0	4,512	13.1	3.0	18.9%	27.1%	
HCM	Chứng khoán	36.0	4.5%	1.5	716	7.5	2,805	12.8	2.2	43.1%	19.5%	
FPT	Công nghệ	109.3	-1.5%	1.0	4,313	13.0	4,792	22.8	5.5	49.0%	25.8%	
FOX	Công nghệ	81.1	-1.0%	0.4	1,158	0.1	4,926	16.5	4.4	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	112.4	2.5%	1.2	9,353	2.9	4,381	25.7	4.2	2.8%	17.4%	
PLX	Dầu khí	56.2	2.0%	1.5	3,105	4.1	2,344	24.0	2.8	17.0%	12.3%	
PVS	Dầu khí	34.3	2.1%	1.6	713	6.9	1,258	27.3	1.4	8.4%	5.0%	
BSR	Dầu khí	26.2	0.8%	0.8	3,532	5.2	2,108		2.2	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	110.3	0.8%	0.2	627	0.2	5,720	19.3	3.8	54.2%	20.3%	
DPM	Hóa chất	64.2	-7.0%	0.9	1,092	34.2	7,959	8.1	2.4	10.9%	33.5%	
DCM	Hóa chất	41.9	-5.0%	0.7	964	18.8	3,073	13.6	3.0	6.6%	23.7%	
VCB	Ngân hàng	82.6	-0.2%	1.0	16,996	2.6	4,632	17.8	3.6	23.6%	21.6%	
BID	Ngân hàng	44.3	-0.2%	1.2	9,732	4.0	2,084	21.2	2.7	16.8%	13.2%	
CTG	Ngân hàng	32.9	-0.6%	1.5	6,864	9.6	#N/A	N/A	#N/A	#N/A	25.7%	#VALUE!
VPB	Ngân hàng	39.0	1.0%	1.2	7,538	41.9	2,648	14.7	2.2	17.5%	17.9%	
MBB	Ngân hàng	33.0	-0.9%	1.2	5,421	17.7	3,362	9.8	2.1	23.2%	23.6%	
ACB	Ngân hàng	33.5	0.3%	1.1	3,935	7.0	3,554	9.4	2.0	30.0%	23.9%	
BMP	Nhựa	64.6	-0.9%	0.6	230	0.3	2,619	24.7	2.3	85.1%	9.0%	
NTP	Nhựa	57.5	0.0%	0.4	294	0.7	3,825	15.0	2.5	17.9%	17.0%	
MSR	Tài nguyên	31.5	-1.6%	1.2	1,505	0.9	178	177.0	2.4	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	45.9	0.3%	1.2	8,917	24.3	7,166	6.4	2.3	22.1%	42.8%	
HSG	Thép	35.7	-0.3%	1.4	765	7.0	8,581	4.2	1.6	6.5%	45.9%	
VNM	Tiêu dùng	82.2	0.6%	0.6	7,469	13.6	4,518	18.2	5.2	54.1%	29.3%	
SAB	Tiêu dùng	166.5	0.7%	0.8	4,642	1.6	5,718	29.1	5.0	62.6%	17.9%	
MSN	Tiêu dùng	150.0	2.4%	0.9	7,699	11.1	7,257	20.7	5.4	28.4%	35.1%	
SBT	Tiêu dùng	24.3	-0.2%	1.4	663	4.0	1,135	21.4	1.8	7.3%	8.7%	
ACV	Vận tải	93.9	1.2%	0.8	8,888	0.2	577	162.7	5.4	3.8%	3.4%	
VJC	Vận tải	142.9	1.4%	1.1	3,365	6.1	2,271		4.6	16.8%	7.7%	
HVN	Vận tải	24.9	-0.6%	1.7	2,397	2.8	(6,523)		23.0	6.1%	-267.4%	
GMD	Vận tải	58.9	1.6%	1.0	772	8.8	1,869	31.5	2.8	43.0%	9.2%	
PVT	Vận tải	25.1	-0.8%	1.3	353	4.8	2,038	12.3	1.6	9.7%	13.1%	
VCS	Vật liệu xây dựng	117.2	-0.3%	0.8	815	0.9	10,538	11.1	3.8	3.6%	40.6%	
VGC	Vật liệu xây dựng	66.4	3.9%	0.3	1,294	5.2	2,729	24.3	4.2	4.3%	18.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	24.2	-0.8%	0.8	401	1.8	966	25.0	1.8	1.9%	7.0%	
CTD	Xây dựng	99.0	0.8%	1.0	318	4.3	308	321.4	0.9	45.5%	0.3%	
CII	Xây dựng	31.6	-2.9%	1.1	333	9.9	(1,398)	N/A	N/A	1.6	10.4%	-6.9%
REE	Điện	82.5	-1.9%	-1.4	1,109	2.8	6,002	13.7	1.9	49.0%	15.0%	
PC1	Điện	46.1	-2.5%	-0.4	471	5.7	3,014	15.3	2.3	5.1%	16.0%	
POW	Điện	16.2	1.3%	0.6	1,649	5.2	768	21.1	1.3	2.0%	6.3%	
NT2	Điện	23.1	-1.3%	0.5	289	0.9	1,778	13.0	1.6	13.6%	12.0%	
KBC	Khu công nghiệp	55.0	2.4%	1.3	1,377	20.6	1,590	34.6	2.3	18.5%	6.7%	
BCM	Khu công nghiệp	73.8	2%	1.0	3,321	0.7			4.7	2.6%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	36.50	5.64	1.99	6.23MLN
NVL	86.50	4.72	1.92	6.13MLN
GAS	112.40	2.46	1.32	610500
MSN	150.00	2.39	1.05	1.69MLN
VIC	82.70	0.73	0.58	2.73MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
TCB	0.00	-0.58	9.78MLN	1.11MLN
DPM	-0.01	-0.48	11.97MLN	607060
DXG	-0.01	-0.44	22.52MLN	373600
FPT	0.00	-0.39	2.69MLN	192700
DIG	0.00	-0.31	4.27MLN	611640

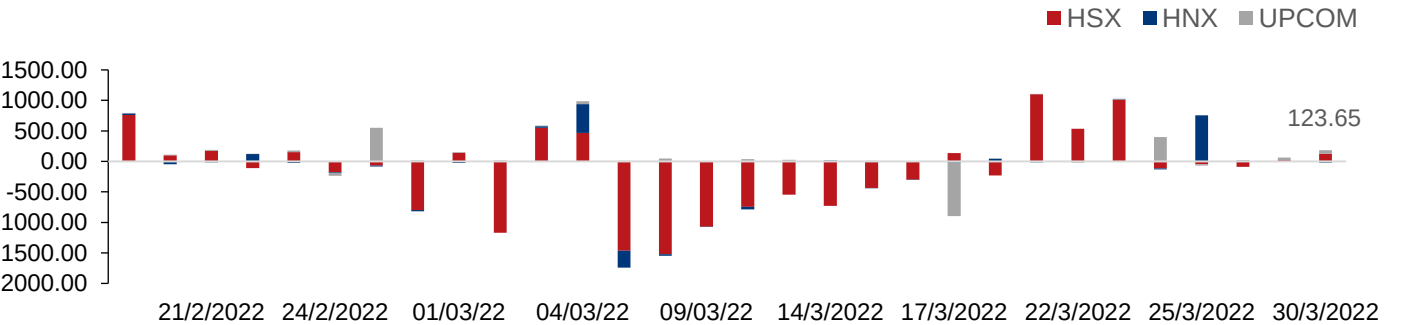
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGR	21.40	7.00	0.08	2.47MLN
HAI	5.82	6.99	0.02	2.82MLN
AMD	6.13	6.98	0.02	3.13MLN
ASG	29.95	6.96	0.04	46600
FTS	61.50	6.96	0.15	1.78MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPM	64.20	-6.96	-0.48	11.97MLN
MCP	30.15	-6.94	-0.01	3100
BFC	43.20	-6.90	-0.05	1.40MLN
SII	19.75	-6.84	-0.02	2400
ASM	23.95	-6.81	-0.15	10.18MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	109.3	4,792	22.8	5.5	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	35.9	2,448	14.6	2.4	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	47.5	10,793	4.4	1.8	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	16.2	768	21.1	1.3	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	116.6	4,526	25.8	4.4	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	155.0	6,936	22.3	5.4	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	25.1	2,038	12.3	1.6	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	221.0	13,122	16.8	6.2	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	45.9	7,166	6.4	2.3	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	55.0	1,590	34.6	2.3	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	43.7	4,717	9.3	3.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	43.6	1,942	22.4	3.0	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	146.6	7,460	19.7	7.3	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	42.7	1,006	42.4	2.3	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	38.0	2,877	13.2	2.4	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	94.5	6,040	15.6	3.0	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	43.5	1,891	23.0	2.0	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	56.8	3,543	16.0	1.8	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.3	1,258	27.3	1.4	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	112.4	4,381	25.7	4.2	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	37.1	3,134	11.8	2.6	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	99.0	308	321.4	0.9	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	20.2	1,454	13.9	0.9	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.0	1,520	12.5	0.9	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.0	1,520	12.5	0.9	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.1	2,324	10.8	3.6	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.6	4,526	25.8	4.4	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	116.6	4,526	25.8	4.4	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	155.0	6,936	22.3	5.4	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	77.9	3,013	25.9	5.3	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	56.0	3,055	18.3	2.4	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.2	2,108	12.4	2.2	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	27.0	948	28.5	1.6	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	94.5	6,040	15.6	3.0	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	33.0	1,637	20.2	1.9	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.8	689	25.8	1.3	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.8	7,200	10.4	1.8	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	46.3	3499.1	13.2	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.1	1,778	13.0	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	112.4	4,381	25.7	4.2	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	47.5	10,793	4.4	1.8	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	52.8	1,781	29.6	3.3	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	82.2	4,518	18.2	5.2	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	109.3	4,792	22.8	5.5	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	34.1	578	58.9	2.5	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	221.0	13,122	16.8	6.2	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	60.0	5,924	10.1	2.1	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639